

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **392/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/09/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Khánh Loan - Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Phi Hùng - Cán bộ Hưu trí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1590/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2022 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2022/QĐXX-ST ngày 15/08/2022, Quyết định hoãn phiên Tòa số 415/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/09/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đình Qu, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: 1876, đường Ng, khu phố 6, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 1876, đường Ng, khu phố 6, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Ông Qu có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Đình Qu trình bày: ông và bà Bùi Thị L chung sống với nhau vào năm 1981 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ban đầu là do ông có tư tưởng cũng muốn có con trai nên đã quen với người phụ nữ khác, điều này đã đến tai bà L. Nhưng sau đó ông đã biết lỗi của mình và cũng xin bà L tha thứ nhưng bà L không những không tha thứ cho ông mà còn dằn vặt ông, khinh dễ gia đình bên ông nên vợ chồng đã sống ly thân kể từ năm 2013 cho đến nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi ai nấy sống, ăn cơm riêng, giữ tiền riêng, không sinh hoạt vợ chồng, không hỗ trợ chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: có 04 cháu tên là Trần Thị H, sinh năm: 1982; Trần Thị V, sinh năm: 1984; Trần Thị Th, sinh năm: 1988; Trần Thị Thu H, sinh năm: 1996. Cháu H đã mất vì tai nạn giao thông. Ba cháu còn lại hiện đã trưởng thành có khả năng lao động được

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác

Bị đơn Bùi Thị L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Đình Qu. Ông Trần Đình Qu được ly hôn với bà Bùi Thị L.

+ Về con chung: có 04 cháu tên là Trần Thị H, sinh năm: 1982; Trần Thị V, sinh năm: 1984; Trần Thị Th, sinh năm: 1988; Trần Thị Thu H, sinh năm: 1996. Cháu H đã mất vì tai nạn giao thông. Ba cháu còn lại hiện đã trưởng thành có khả năng lao động được nên không đặt ra giải quyết

+ Về tài sản chung+ nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: ông Qu được miễn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Đình Qu có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt ông Qu bà L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình Qu và bà Bùi Thị L tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 1981 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N huyện T, tỉnh Thái Bình nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Nay ông Quảng có đơn xin ly hôn Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Qu: Ông Qu xin ly hôn với bà L với lý do ban đầu là do ông có tư tưởng cũng muốn có con trai nên đã quen với người phụ nữ khác, điều này đã đến tai bà L. Nhưng sau đó ông đã biết lỗi của mình và cũng xin bà L tha thứ nhưng bà L không những không tha thứ cho ông mà còn dần vất ông, khinh dễ gia đình bên ông nên vợ chồng đã sống ly thân kể từ năm 2013 cho đến nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, ăn cơm riêng, giữ tiền riêng, không sinh hoạt vợ chồng, không hỗ trợ chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa cho ông được ly hôn với bà L.

Về phía bà L vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ kiện dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ bà L cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Qu và bà L thì được biết bà L có cư trú và sinh sống tại địa chỉ 1876, đường Ng, khu phố 6, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ này trước đây là 5, dãy B, khu phố 6, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Tại địa phương không thấy ông Qu bà L gây gổ hay đánh nhau chỉ nghe nói là vợ chồng ông bà không cùng ăn cơm chung với nhau.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Qu là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi thụ lý vụ kiện cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã triệu tập bà L lên Tòa làm việc, hòa giải rất nhiều lần để hàn gắn đoàn tụ cho bà L và ông Qu nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà L đã bỏ mặt quan hệ hôn nhân của mình nên có hàn gắn ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Qu. Cho ông Qu được ly hôn với bà L là phù hợp.

[4] Về con chung: có 04 cháu tên là Trần Thị H, sinh năm: 1982; Trần Thị V, sinh năm: 1984; Trần Thị Th, sinh năm: 1988; Trần Thị Thu H, sinh năm: 1996. Cháu H đã mất vì tai nạn giao thông. Ba cháu còn lại hiện đã trưởng thành có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[5] Về tài sản chung+ nợ chung: ông Qu không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà Lý vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: ông Qu được miễn.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Đình Qu. Ông Trần Đình Qu được ly hôn với bà Bùi Thị L.

2. Về con chung : có 04 cháu tên là Trần Thị H, sinh năm: 1982; Trần Thị V, sinh năm: 1984; Trần Thị Th, sinh năm: 1988; Trần Thị Thu H, sinh năm: 1996. Cháu H đã mất vì tai nạn giao thông. Ba cháu còn lại hiện đã trưởng thành có khả năng lao động được nên không đặt ra giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Qu được miễn

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đồng Nai (2);

-VKSND thành phố B(2);

-THA Dân sự thành phố B(1);

-UBND X N, H T, tỉnh Thái Bình

-Đương sự (2)

-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà